

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 3 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thào Seo Tòa

2. Bà Bùi Thị Lý

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lù Thị P, năm sinh 1991

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai-Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Thèn Văn H, năm sinh 1990

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai-Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lù Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị P và anh Thèn Văn H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 10/3/2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hoà hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường cãi chửi nhau. Hiện chị P và anh H đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thèn Văn H.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Lù Thị P và anh Thèn Văn H có 01 con chung: Cháu Thèn Văn T , sinh ngày 20/01/2011, hiện cháu đang ở cùng anh H , cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân ở Bắc Ninh, thu nhập một tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lù Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Thèn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H nhất trí với chị Lù Thị P trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa anh và chị P. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc không có vấn đề gì xảy ra, kể từ khi chị P đi làm công nhân thì chị ít về nhà và không quan tâm đến anh, hiện anh và chị P đã sống ly thân, nay anh vẫn còn tình cảm với chị P và thương con còn nhỏ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh H nhất trí với chị P trình bày về con chung, hiện cháu Thèn Văn T đang ở cùng anh, nếu phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hiện anh làm ruộng nương, thu nhập khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con; anh chị có nhà riêng tại thôn Nậm Trì, xã Bảo Nhai. Sau đó anh H có ý kiến không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh Thèn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Thèn Văn T có nguyện vọng được ở với anh Thèn Văn H.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho chị Lù Thị P được ly hôn với anh Thèn Văn H.

+ Về con chung: Giao anh Thèn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thèn Văn T , sinh ngày 20/01/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lù Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, Tòa án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H đã nhận các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do; sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì các đương sự đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lù Thị P và anh Thèn Văn H là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; anh H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về chung sống cùng nhau, nhưng khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh H vắng mặt không có lý do. Chị P xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng; anh H thừa nhận anh và chị P đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, nhưng tình cảm của anh đối với chị P vẫn còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ để nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Lù Thị P và anh Thèn Văn H có 01 con chung là cháu Thèn Văn T, sinh ngày 20/01/2011, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng anh H, cháu T có ý kiến xin được ở với anh H. Sau khi ly hôn chị P và anh H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị P làm công nhân, anh H làm ruộng nương tại địa phương, anh chị đều có việc làm và thu nhập ổn định. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì chị P và anh H đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung; nhưng do hiện nay chị P đang đi làm xa nhà,

ít có thời gian để chăm sóc con, từ khi anh chị sống ly thân, cháu T vẫn đang ở cùng anh H ; xác minh tại địa phương nơi anh H cư trú thì hiện cháu T đang ở với anh H , cháu được anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học đầy đủ; để ổn định việc học tập và sinh hoạt của cháu nên cần giao cho anh H được nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lù Thị P, anh Thèn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lù Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lù Thị P và anh Thèn Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Thèn Văn T , sinh ngày 20/01/2011 cho anh Thèn Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lù Thị P phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001304 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã Bảo Nhai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thào Seo Tỏa

Bùi Thị Lý

Nguyễn Thị Thu Hương